

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ C16XCD

TÊN HỌC PHẦN: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG 1

HỌC KỲ 1

MÃ HỌC PHẦN: PHY - 101

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 19/12/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30							55	100		
1	161211001	PHẠM PHÚC BÌNH	C16XCD	5.5		7.5						2	0.0	Khăng			
2	161211002	VÕ KHẮC BÌNH	C16XCD	7		4						2.5	0.0	Khăng			
3	161211003	PHAN VĂN BÔNG	C16XCD	7.5		4						2	0.0	Khăng			
4	161211004	VĂN ĐÌNH CHÂU	C16XCD	6		2						1.5	0.0	Khăng			
5	161211005	PHAN VĂN CHÍNH	C16XCD	5.5		4						2	0.0	Khăng			
6	161211006	TÔN MẠNH CƯỜNG	C16XCD	7		3						2.5	0.0	Khăng			
7	161211007	ĐÌNH MẠNH CƯỜNG	C16XCD	6		5						1.5	0.0	Khăng			
8	161211008	NGUYỄN DUY CƯỜNG	C16XCD	5		5						1.5	0.0	Khăng			
9	161211010	PHAN PHỤNG ĐÔNG	C16XCD	6		5						1	0.0	Khăng			
10	161211011	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	C16XCD	7.5		5						2.5	0.0	Khăng			
11	161211012	LÊ VĂN DŨNG	C16XCD	2		5						1.5	0.0	Khăng			
12	161211015	TRẦN QUỐC GIA	C16XCD	4		6						1.5	0.0	Khăng			
13	161211016	CAO SƠN HẢI	C16XCD	6		4						2	0.0	Khăng			
14	161211017	PHẠM NGỌC HẢI	C16XCD	6		5						2.5	0.0	Khăng			
15	161211018	TRẦN CÔNG HẬU	C16XCD	5.5		4						1.5	0.0	Khăng			
16	161211019	NGUYỄN XUÂN HIỆP	C16XCD	6.5		3						2.5	0.0	Khăng			
17	161211020	HUỖNH ANH HIỆP	C16XCD	6		4						2	0.0	Khăng			
18	161211021	ĐẶNG XUÂN HÒA	C16XCD	6.5		5						2	0.0	Khăng			
19	161211022	HUỖNH VĂN HÙNG	C16XCD	6.5		5						4	4.7	Bấu phẩp Bắy			
20	161211023	NGUYỄN HUY HÙNG	C16XCD	7		4						4.5	4.7	Bấu phẩp Bắy			
21	161211024	DƯƠNG ĐÌNH HUY	C16XCD	7		4						4	4.5	Bấu phẩp Nằm			
22	161211027	NGUYỄN VĂN KIM	C16XCD	7		4						5	5.0	Nằm			
23	161211028	NGUYỄN VĂN LỘC	C16XCD	3		1						V	0.0	Khăng			
24	161211029	NGUYỄN ĐÌNH LONG	C16XCD	7		5						4	4.8	Bấu phẩp Tằm			
25	161211030	TRƯƠNG HẢI LONG	C16XCD	6.5		2						4	3.8	Ba phẩp Tằm			
26	161211032	LÊ ANH LUẬN	C16XCD	2		0						4	2.5	Hai phẩp Nằm			
27	161211033	LÊ VĂN NAM	C16XCD	6		4						4.5	4.6	Bấu phẩp Sằu			
28	161211035	TRẦN ĐÌNH NGUYỄN	C16XCD	8		4						4	4.6	Bấu phẩp Sằu			
29	161211036	VÕ NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	C16XCD	6.5		7						1	0.0	Khăng			
30	161211037	TRẦN VĂN NHÂN	C16XCD	8		4						2	0.0	Khăng			
31	161211038	PHAN TÂN PHONG	C16XCD	7		7						4	5.4	Nằm phẩp Bắu			
32	161211039	NGUYỄN QUỐC PHÒNG	C16XCD	6		4						2	0.0	Khăng			
33	161211040	HOÀNG ĐỨC PHƯƠNG	C16XCD	7		4						4	4.5	Bấu phẩp Nằm			
34	161211041	TRƯƠNG CÔNG RIN	C16XCD	7		4						4.5	4.7	Bấu phẩp Bắy			
35	161211042	TRẦN VĂN SANG	C16XCD	6		4						4.5	4.6	Bấu phẩp Sằu			
36	161211044	HỒ HẢI THÁI	C16XCD	5		4						6.5	5.5	Nằm phẩp Nằm			
37	161211045	NGUYỄN THÀNH	C16XCD	5		4						2	0.0	Khăng			
38	161211046	NGUYỄN CHÁNH THI	C16XCD	8		4						2.5	0.0	Khăng			
39	161211047	CAO THỂ THÌN	C16XCD	7		6						5	5.6	Nằm phẩp Sằu			
40	161211048	LÊ NGỌC THỊNH	C16XCD	6		4						2	0.0	Khăng			

Ngày thi: 19/12/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30							55	100		
41	161211049	TRẦN QUỐC	TOẢN	C16XCD	6		3						4	4.0	Bầu		
42	161211050	TRẦN QUANG	TRUNG	C16XCD	6		5						4	4.6	Bầu pháp Sầu		
43	161211051	HỒ CHÍ	TRUNG	C16XCD	5		3						4	3.9	Ba pháp Chên		
44	161211052	TRẦN VĂN	TRƯỜNG	C16XCD	6		5						4.5	4.9	Bầu pháp Chên		
45	161211053	NGUYỄN NGỌC	TÚ	C16XCD	6		4						3.5	0.0	Khăng		
46	161211054	LÊ VĂN	TUẤN	C16XCD	7		5						4	4.8	Bầu pháp Tâm		
47	161211056	TRẦN ANH	TUẤN	C16XCD	7		5						2.5	0.0	Khăng		
48	161211058	LÊ VĂN	TÙNG	C16XCD	7		5						1.5	0.0	Khăng		
49	161211059	NGUYỄN NGÔ THANH	VIỆT	C16XCD	0		0						V	0.0	Khăng		
50	161211060	NGÔ TUẤN	VŨ	C16XCD	2		0						V	0.0	Khăng		
1	1063	TRẦN DOÃN SONG	KHA	C15XCD	0		0						2	0.0	Khăng		
2	1065	TRỊNH ÁNH	XUÂN	C15XCD	0		4						2.5	0.0	Khăng		
3	1067	LŨ LÊ	DUY	C15XCD	2		3						2	0.0	Khăng		
4	1048	VÕ VĂN	TÂM	C15XCD	0		0						6	3.3	Ba pháp Ba		
5	1046	TRẦN VĂN	THÀNH	C15XCD	0		0						6.5	3.6	Ba pháp Sầu		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	17	31%	
2	Số sinh viên nợ	38	69%	
TỔNG CỘNG :		55	100%	

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú